

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS - ST
Ngày: 25/11/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức D.
2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36A/2019/QĐXXST-DS ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà C T H, sinh năm; 1963.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 7, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông T T K, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 7, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông P B D, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 7, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông D có mặt, bà K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 26/8/2019, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà C T H trình bày: Vào năm 2013 thì bà và chồng bà là ông D có buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc, và có bán cám cho bà T T K. Quá trình mua bán hai bên không làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng với nhau, khi nào bà K mua cám thiếu thì ghi vào sổ nợ của bà và thanh toán bằng hình thức gói đầu, tức bà K lấy cám trước đến khi bán heo thì bà K sẽ thanh toán tiền cho bà. Đến khoảng năm 2015 thì bà không bán

cấn cho bà K nữa, lúc này bà K còn thiếu bà số tiền 220.000.000 đồng, nhưng bà K không thanh toán tiền cho bà, nên vào tháng 12/2015 bà có làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, đề yêu cầu bà K phải thanh toán tiền cho bà trong quá trình giải quyết vụ án, bà và bà K thỏa thuận với nhau, nên bà đã rút đơn khởi kiện, đồng thời bà K viết giấy nợ và cam kết trả nợ cho bà vào ngày 30/9/2016, thỏa thuận hàng tháng bà K sẽ thanh toán 3.000.000 đồng kể từ đầu tháng 10/2016 cho đến tháng 03/2017, đến đầu tháng 04/2017 bà K sẽ thanh toán cho bà 50.000.000 đồng, số tiền còn lại bà K tiếp tục thanh toán cho bà đến khi hết nợ. Đến ngày 04/4/2019 bà K thanh toán cho bà số tiền 60.000.000 đồng, sau đó không thanh toán cho bà nữa. Đến thời điểm điểm này bà K thiếu bà số tiền 160.000.000 đồng. Do bà K vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ nên bà yêu cầu yêu cầu bà K thanh toán cho vợ chồng bà số tiền 160.000.000 đồng. Không yêu cầu tính tiền lãi. Bà chỉ yêu cầu một mình bà K thanh toán tiền nợ cho mình, vì việc mua bán là việc riêng giữa vợ chồng bà và bà K.

- *Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn trình bày:* bà trình bày quá trình mua bán và thiếu tiền cấn của vợ chồng bà H là đúng như bà H trình bày. Bà đồng ý một mình thanh toán cho vợ chồng bà H số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng. Tuy nhiên bà chỉ đồng ý thanh toán cho vợ chồng bà H một tháng 2.000.000 đồng

- *Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày và ý kiến của bà H.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu người khởi kiện (Bản sao); Quyết định đình chỉ, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự; 01 giấy viết nợ và cam kết trả nợ (bản chính); Biên bản xác minh của Tòa án; Công văn số 1524/CV-TCKH ngày 25/10/2019 của Phòng tài chính kế hoạch huyện Cẩm Mỹ cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Kc trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật của các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về những tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án như sau: “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”. Bà H khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” với bà K, theo chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chỉ có bà H có đăng ký kinh doanh, do đó yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc vụ án dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật

[2] Xét nội dung vụ án, yêu cầu thanh toán án tiền và thời hạn thanh toán án tiền nhận thấy:

Nguyên đơn bà C T H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T T K thanh toán án tiền mua cầm còn thiếu là 160.000.000 đồng cho vợ chồng bà và phải thanh toán án một lần. Bị đơn đồng ý thanh toán án cho nguyên đơn số tiền cầm chưa thanh toán là 160.000.000 đồng nhưng chỉ đồng ý thanh toán án một tháng 2.000.000 đồng. Các bên đã lập giấy viết nợ và cam kết trả nợ vào ngày 30/9/2016, trong đó thỏa thuận bà K sẽ thanh toán 3.000.000 đồng kể từ đầu tháng 10/2016 cho đến tháng 03/2017, đến đầu tháng 04/2017 bà K sẽ thanh toán 50.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ tiếp tục thanh toán cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên đến ngày 04/4/2019 bà K mới thanh toán án cho bà H số tiền 60.000.000 đồng, sau đó không thanh toán án tiền cho bà H nữa, bà K cũng thừa nhận vấn đề này. Như vậy có đủ căn cứ xác định bà T T K còn nợ bà C T H, ông Phùng Bá D số tiền 160.000.000 đồng và bà K đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã giao kết. Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị H, bà K phải có trách nhiệm thanh toán án cho bà H, ông Phùng số tiền 160.000.000 đồng.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Ông Phùng, bà H là vợ chồng, cùng nhau thực hiện việc kinh doanh cầm, do đó bà K phải có trách nhiệm thanh toán án cho vợ chồng bà H số tiền 160.000.000 đồng.

[4] Về án phí Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3, Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 264; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 388, 401, 428, 438 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C T H đối với bị đơn bà T T K về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc bà T T K phải thanh toán cho bà C T H và ông P B D số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T T K phải chịu 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Hoàn trả cho bà C T H số tiền 4.175.000đ (bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001571 ngày 30/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

3. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Bảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Bảo